



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2021**



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 3700381324
Đăng ký Doanh nghiệp

ngày 8 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 28 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí
Ông Lý Văn Xuân
Ông Nguyễn Văn Luân
Ông Đinh Viết Duy

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Quốc Trí
Ông Hoàng Đức Huy
Ông Vũ Văn Thanh
Ông Hồ Thanh Hiếu
Ông Trần Quốc Phẩm
Ông Nguyễn Ngọc Huy
Ông Trần Thành Nam

Ông Nguyễn Tấn Hòa

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 12 năm 2021)
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 12 năm 2021)

Người đại diện
theo pháp luật

Ông Lê Phước Vũ
Ông Trần Ngọc Chu
Ông Trần Quốc Trí

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 9, Đại lộ Thống Nhất,
Khu Công nghiệp Sóng Thần II,
Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An,
Tỉnh Bình Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2021



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11-C
NH
INH
3
CHI M



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00192/1-21-1




Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.651.184.333.706	10.370.267.877.634
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	406.017.139.417	480.196.944.895
Tiền	111		405.267.139.417	479.446.944.895
Các khoản tương đương tiền	112		750.000.000	750.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123	15(a)	5.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.898.280.531.814	6.205.820.116.418
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	9.335.440.945.200	5.212.742.658.223
Trả trước cho người bán	132	7	59.244.726.922	53.025.112.185
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	68.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	2.449.326.144.281	962.629.374.510
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6(c)	(13.731.284.589)	(22.577.028.500)
Hàng tồn kho	140	10	6.384.320.637.756	2.997.049.481.888
Hàng tồn kho	141		6.464.778.720.342	3.021.587.347.164
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80.458.082.586)	(24.537.865.276)
Tài sản ngắn hạn khác	150		957.566.024.719	687.201.334.433
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	85.590.388.401	103.293.368.807
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		871.962.016.601	583.904.965.626
Thuế phải thu Nhà nước	153		13.619.717	3.000.000

1204
II NI
IG T
<PI
101

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		4.863.167.615.269	4.925.206.543.486
Các khoản phải thu dài hạn	210		178.887.837.400	394.880.535.357
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	-	212.856.006.357
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	178.887.837.400	182.024.529.000
Tài sản cố định	220		1.134.208.705.003	1.364.003.049.395
Tài sản cố định hữu hình	221	11	936.170.702.614	1.147.463.568.504
Nguyên giá	222		3.463.673.580.489	3.392.265.713.774
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.527.502.877.875)	(2.244.802.145.270)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	-	18.551.181.042
Nguyên giá	225		-	22.949.448.333
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(4.398.267.291)
Tài sản cố định vô hình	227	13	198.038.002.389	197.988.299.849
Nguyên giá	228		259.988.428.918	248.569.747.599
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.950.426.529)	(50.581.447.750)
Tài sản dở dang dài hạn	240		180.277.059.193	5.338.412.183
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	180.277.059.193	5.338.412.183
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.244.000.000.000	3.072.965.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	15(b)	3.228.000.000.000	3.051.965.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15(a)	16.000.000.000	21.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		125.794.013.673	88.019.546.551
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	38.680.005.935	48.265.344.770
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	87.114.007.738	39.754.201.781
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		24.514.351.948.975	15.295.474.421.120

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.195.700.411.669	8.270.877.246.022
Nợ ngắn hạn	310		13.182.047.854.402	8.243.532.836.931
Phải trả người bán	311	18	4.283.263.896.000	2.023.915.668.822
Người mua trả tiền trước	312	19	233.052.080.172	188.998.683.777
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	309.240.420.455	206.566.674.152
Phải trả người lao động	314		55.566.725.013	53.486.276.555
Chi phí phải trả	315	21	214.800.245.166	317.943.257.598
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	3.256.582.146.203	326.075.538.521
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23(a)	4.754.513.830.764	5.083.484.041.845
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	75.028.510.629	43.062.695.661
Nợ dài hạn	330		13.652.557.267	27.344.409.091
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23(b)	-	17.017.564.425
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	12.943.057.267	9.617.344.666
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.318.651.537.306	7.024.597.175.098
Vốn chủ sở hữu	410	26	11.318.651.537.306	7.024.597.175.098
Vốn cổ phần	411	27	4.934.818.960.000	4.446.252.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.934.818.960.000	4.446.252.130.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		157.292.539.068	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		-	(3.271.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		90.695.201.265	35.535.781.824
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.135.844.836.973	2.394.497.079.753
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.824.320.198.455	1.318.911.980.318
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.311.524.638.518	1.075.585.099.435
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		24.514.351.948.975	15.295.474.421.120

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Doanh thu bán hàng	01	29	86.441.507.897.173	45.103.812.699.734
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	174.499.462.741	150.953.669.705
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	29	86.267.008.434.432	44.952.859.030.029
Giá vốn hàng bán	11	30	80.500.728.426.285	42.130.019.773.392
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.766.280.008.147	2.822.839.256.637
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	2.660.392.557.597	882.731.990.749
Chi phí tài chính	22	32	354.050.453.366	372.603.906.385
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		163.982.509.811	277.498.364.219
Chi phí bán hàng	25	33	2.971.926.540.542	1.838.841.569.984
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	253.197.996.846	268.160.558.053
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.847.497.574.990	1.225.965.212.964
Thu nhập khác	31	35	7.884.997.850	19.875.796.975
Chi phí khác	32	36	11.164.052.377	16.683.262.011
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.279.054.527)	3.192.534.964
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.844.218.520.463	1.229.157.747.928
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	515.776.476.827	172.226.511.967
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	38	(47.359.805.957)	(18.653.863.474)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.375.801.849.593	1.075.585.099.435

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng




Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		4.844.218.520.463	1.229.157.747.928
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		297.087.701.643	345.980.466.978
Các khoản dự phòng	03		50.400.186.000	8.194.132.525
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.361.788.337)	7.983.777.905
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.413.142.693.730)	(789.158.399.428)
Chi phí lãi vay	06		163.982.509.811	277.498.364.219
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.938.184.435.850	1.079.656.090.127
Biến động các khoản phải thu	09		(4.396.695.871.911)	(376.215.302.995)
Biến động hàng tồn kho	10		(3.443.191.373.178)	(922.226.907.987)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		5.901.843.863.791	1.502.784.567.628
Biến động chi phí trả trước	12		28.508.264.282	60.193.117.360
			1.028.649.318.834	1.344.191.564.133
Tiền lãi vay đã trả	14		(158.824.335.187)	(277.754.143.955)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(436.616.991.261)	(110.417.388.642)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(63.628.027.964)	(30.964.795.406)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		369.579.964.422	925.055.236.130
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(240.276.296.923)	(21.342.822.954)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		3.272.245.830	16.403.189.295
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(101.326.172.142)	(155.899.989.000)
Tiền thu hồi từ khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	24		5.000.000.000	82.750.000.000
Tiền chi đầu tư vào công ty con	25		(22.668.142.693)	(30.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	2.683.257.535
Tiền thu từ chuyển nhượng công ty con	26		188.100.000.000	40.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		16.649.919.883	4.966.948.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(151.248.446.045)	(60.439.416.803)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	
			30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		44.000.000.000	-
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(812.000.000)
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	32		8.980.355.547	-
Tiền thu từ đi vay	33		36.399.316.632.634	20.593.501.692.686
Tiền trả nợ gốc vay	34		(36.736.621.271.149)	(21.178.118.714.736)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(10.027.814.809)	(20.860.716.112)
Tiền trả cổ tức	36		(307.131.948)	(22.299.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(294.659.229.725)	(606.312.037.262)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(76.327.711.348)	258.303.782.065
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		480.196.944.895	222.264.128.540
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		2.147.905.870	(370.965.710)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	406.017.139.417	480.196.944.895

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Đàn Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty có 9 công ty con và 1 công ty liên kết (1/10/2020: 10 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15(b).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty có 5.254 nhân viên (1/10/2020: 4.915 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để hiểu tổng quát tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng cố liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bảng hiệu quảng cáo

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian trả trước theo hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

2-06
IÁN
Y T
MG
10 C

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) **Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

(iii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 và ngày 1 tháng 10 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 và ngày 30 tháng 9 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021			
Doanh thu	57.968.328.131.963	28.298.680.302.469	86.267.008.434.432
Giá vốn	(54.931.238.317.407)	(25.569.490.108.878)	(80.500.728.426.285)
	3.037.089.814.556	2.729.190.193.591	5.766.280.008.147
Năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020			
Doanh thu	34.982.290.211.381	9.970.568.818.648	44.952.859.030.029
Giá vốn	(32.656.090.830.938)	(9.473.928.942.454)	(42.130.019.773.392)
	2.326.199.380.443	496.639.876.194	2.822.839.256.637

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Tiền mặt	13.617.648.701	37.746.780.451
Tiền gửi ngân hàng	391.480.006.937	441.692.185.884
Tiền đang chuyển	169.483.779	7.978.560
Các khoản tương đương tiền (*)	750.000.000	750.000.000
	<hr/>	<hr/>
	406.017.139.417	480.196.944.895
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm là từ 3% đến 3,3% (1/10/2020: 3,5% đến 4,0%).

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.598.748.271.511	609.698.769.472
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.487.196.033.900	1.422.755.855.210
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	873.525.603.746	649.390.077.771
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	758.704.667.548	606.455.682.416
Các khách hàng khác	4.617.266.368.495	1.924.442.273.354
	<hr/>	<hr/>
	9.335.440.945.200	5.212.742.658.223
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, phải thu của khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2020: 570.000 triệu VND phải thu và 2.300.000 triệu VND phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	1.598.748.271.511	609.698.769.472
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	1.487.196.033.900	1.422.755.855.210
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	873.525.603.746	649.390.077.771
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	758.704.667.548	606.455.682.416
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	394.820.399.043	314.686.249.805
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	15.348.017.868	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	14.827.184.790	36.010.152.572
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	171.241.122	-
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	-	34.749.020

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho các công ty con và 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn cho công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/9/2021				1/10/2020			
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	3 – 4 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	2 – 3 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	Trên 2 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 1 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	Trên 2 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Trên 1 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sân Xuất Và Thương Mại Phúc Đức	-	-	-	-	Trên 6 tháng	1.096.410.095	(1.096.410.095)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	Trên 2 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Công ty Thương Mại, Dịch Vụ Và Xây Dựng Yên Mai (TNHH)	-	-	-	-	Trên 6 tháng	839.518.227	(839.518.227)	-
Công ty TNHH Thương Mại & Sân Xuất Toàn Phát HN	-	-	-	-	6 tháng – 1 năm	1.426.131.048	(1.426.131.048)	-
Các khách hàng khác	-	8.270.673.128	(8.270.673.128)	-	-	13.754.357.669	(13.754.357.669)	-
		13.731.284.589	(13.731.284.589)	-		22.577.028.500	(22.577.028.500)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	22.577.028.500	8.634.346.424
Dự phòng trích lập trong năm	435.523.000	16.809.639.086
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(9.281.266.911)	(2.866.957.010)
Số dư cuối năm	13.731.284.589	22.577.028.500

7. Trả trước cho người bán

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	26.739.999.215	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	87.124.757	469.909.029
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	-	4.995.423.582
Bên thứ ba		
Xí nghiệp Phân phối khí thấp áp Vũng tàu	9.000.000.000	11.105.788.618
Chi Nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Tại Bình Dương	10.183.555	21.469.960.714
Các nhà cung cấp khác	23.407.419.395	14.984.030.242
	59.244.726.922	53.025.112.185

8. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con	68.000.000.000	-

Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất năm là 4%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái – công ty con (*)	-	167.286.721.457
Phải thu về cho vay từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long – công ty con (**)	-	45.569.284.900
	-	212.856.006.357

(*) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% (1/10/2020: 8%).

(**) Khoản cho vay này không được đảm bảo, có kỳ hạn gốc 24 tháng và hưởng lãi suất năm là 8% (1/10/2020: 8%).

Trong năm, Công ty đã chuyển đổi khoản phải thu về cho vay dài hạn thành khoản đầu tư vào 2 công ty con là Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long với giá trị lần lượt là 176.187 triệu VND và 64.995 triệu VND.

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Phải thu về lợi nhuận được chia	2.313.430.131.015	795.208.077.723
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	36.503.545.800	41.728.445.800
Tạm ứng cho người lao động	34.618.799.195	41.550.758.590
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	-	17.516.531.729
Phải thu khác	6.492.668.271	8.344.560.668
	2.449.326.144.281	962.629.374.510

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	946.725.035.692	514.874.175.062
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	756.039.601.281	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	248.393.361.872	232.711.670.069
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	156.020.916.359	27.450.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	120.808.132.718	12.308.639.166
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	69.057.496.793	35.488.493.426
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Hoa Sen Yên Bái	16.444.286.300	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	-	15.011.988.771
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	-	2.504.542.958
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.470.000.000	2.059.900.000
<i>Nhân sự chủ chốt</i>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc	45.462.225.000	45.462.225.000

Các khoản phải thu phi thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Đặt cọc thuê mặt bằng	178.887.837.400	181.758.529.000
Phải thu khác	-	266.000.000
	178.887.837.400	182.024.529.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	30/9/2021		1/10/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	948.952.756.883	-	1.074.363.397.517	-
Nguyên vật liệu	1.392.865.556.357	(18.837.869.618)	262.088.540.692	(12.427.170.038)
Công cụ và dụng cụ	164.573.666.041	-	160.536.427.953	-
Thành phẩm	1.542.494.461.325	(52.327.014.685)	683.530.539.971	(10.057.583.911)
Hàng hóa	2.415.892.279.736	(9.293.198.283)	841.068.441.031	(2.053.111.327)
	6.464.778.720.342	(80.458.082.586)	3.021.587.347.164	(24.537.865.276)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 4.772.185 triệu VND (1/10/2020: 1.478.039 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	24.537.865.276	30.286.414.827
Trích lập dự phòng trong năm	55.920.217.310	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(5.748.549.551)
Số dư cuối năm	80.458.082.586	24.537.865.276

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	484.406.352.732	2.523.902.329.811	286.843.639.080	76.375.572.729	20.737.819.422	3.392.265.713.774
Tăng trong năm	-	54.215.834.479	1.207.586.364	-	-	55.423.420.843
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	141.703.283	2.121.199.883	1.166.102.000	-	-	3.429.005.166
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	13.389.448.333	9.560.000.000	-	-	22.949.448.333
Thanh lý	(71.955.649)	(6.097.113.853)	(2.128.712.500)	-	-	(8.297.782.002)
Xóa sổ	-	(2.096.225.625)	-	-	-	(2.096.225.625)
Số dư cuối năm	484.476.100.366	2.585.435.473.028	296.648.614.944	76.375.572.729	20.737.819.422	3.463.673.580.489
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	278.882.994.848	1.738.186.050.970	172.098.126.466	36.296.971.627	19.338.001.359	2.244.802.145.270
Khấu hao trong năm	21.652.518.028	219.048.547.987	34.223.500.536	9.441.256.473	288.883.421	284.654.706.445
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	3.149.966.649	2.312.317.061	-	-	5.462.283.710
Thanh lý	(71.955.649)	(3.566.823.990)	(1.844.204.185)	-	-	(5.482.983.824)
Xóa sổ	-	(1.933.273.726)	-	-	-	(1.933.273.726)
Số dư cuối năm	300.463.557.227	1.954.884.467.890	206.789.739.878	45.738.228.100	19.626.884.780	2.527.502.877.875
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	205.523.357.884	785.716.278.841	114.745.512.614	40.078.601.102	1.399.818.063	1.147.463.568.504
Số dư cuối năm	184.012.543.139	630.551.005.138	89.858.875.066	30.637.344.629	1.110.934.642	936.170.702.614

00/00
 AN
 Y TN
 VG
 00/00

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 1.063.778 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (1/10/2020: 727.763 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 293.060 triệu VND (1/10/2020: 395.303 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	13.389.448.333	9.560.000.000	22.949.448.333
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.389.448.333)	(9.560.000.000)	(22.949.448.333)
<hr/>			
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.579.925.881	1.818.341.410	4.398.267.291
Khấu hao trong năm	570.040.768	493.975.651	1.064.016.419
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.149.966.649)	(2.312.317.061)	(5.462.283.710)
<hr/>			
Số dư cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	10.809.522.452	7.741.658.590	18.551.181.042
Số dư cuối năm	-	-	-
<hr/>			



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	200.791.409.765	47.778.337.834	248.569.747.599
Tăng trong năm	-	11.418.681.319	11.418.681.319
Số dư cuối năm	200.791.409.765	59.197.019.153	259.988.428.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	28.908.454.957	21.672.992.793	50.581.447.750
Khấu hao trong năm	2.553.074.427	8.815.904.352	11.368.978.779
Số dư cuối năm	31.461.529.384	30.488.897.145	61.950.426.529
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	171.882.954.808	26.105.345.041	197.988.299.849
Số dư cuối năm	169.329.880.381	28.708.122.008	198.038.002.389

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 456 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2021 (1/10/2020: 456 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 66.528 triệu VND (1/10/2020: 77.916 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	5.606.678.492	457.602.000
Chi phí xây dựng	151.857.874.771	1.472.949.719
Các công trình khác	22.812.505.930	3.407.860.464
	180.277.059.193	5.338.412.183
	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.338.412.183	16.487.785.421
Tăng trong năm	179.587.597.217	8.165.030.780
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.429.005.166)	(14.289.426.988)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(3.150.626.219)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.219.945.041)	(1.874.350.811)
	180.277.059.193	5.338.412.183

15. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm là 3,7%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam phát hành	-	5.000.000.000
	16.000.000.000	21.000.000.000

(*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(**) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/9/2021		1/10/2020	
	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư vào các công ty con				
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	100%	1.100.000.000.000	100%	1.100.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100%	770.000.000.000	100%	770.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	100%	280.000.000.000	100%	280.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	100%	250.000.000.000	100%	250.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	100%	200.000.000.000	100%	200.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100%	150.000.000.000	100%	150.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	100%	105.000.000.000	100%	105.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái (i)	95%	323.000.000.000	95%	114.000.000.000
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100%	50.000.000.000	100%	50.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (ii)	-	-	95%	32.965.000.000
		<u>3.228.000.000.000</u>		<u>3.051.965.000.000</u>
Đầu tư vào công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (iii)	-	-	-	-
		<u>3.228.000.000.000</u>		<u>3.051.965.000.000</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Tại cuộc họp ngày 3 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái, trong đó Công ty nắm giữ 95% quyền sở hữu. Tổng Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào công ty con bằng cách chuyển đổi khoản phải thu về cho vay với giá trị là 176.187 triệu VND (Thuyết minh 8), chuyển đổi khoản phải thu khác với giá trị là 10.145 triệu VND và vốn góp bằng tiền là 22.668 triệu VND.
- (ii) Tại cuộc họp ngày 1 tháng 2 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long, trong đó Công ty nắm giữ 95% quyền sở hữu. Tổng Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào công ty con bằng cách chuyển đổi khoản phải thu về cho vay với giá trị là 64.995 triệu VND (Thuyết minh 8) và chuyển đổi khoản phải thu khác với giá trị là 478 triệu VND. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất vào ngày 2 tháng 4 năm 2021.
- (iii) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, trong đó Công ty nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.

042
NH
3 T
PM
Ô H

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Chi phí thuê trả trước	60.086.558.798	57.410.986.820
Công cụ và dụng cụ	7.318.855.307	13.454.533.851
Chi phí quảng cáo	4.977.085.978	24.829.641.795
Chi phí sửa chữa	3.605.758.234	2.738.747.884
Chi phí tư vấn	430.991.668	1.889.338.410
Phí bảo hiểm	599.821.424	668.137.829
Chi phí khác	8.571.316.992	2.301.982.218
	85.590.388.401	103.293.368.807

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Bảng hiệu quảng cáo	15.059.349.254	15.374.300.149
Công cụ và dụng cụ	9.550.254.921	9.342.376.906
Chi phí thuê	6.266.006.987	7.538.605.524
Chi phí sửa chữa	3.918.465.569	6.587.628.785
Chi phí khác	3.885.929.204	9.422.433.406
	38.680.005.935	48.265.344.770

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	48.265.344.770	128.815.049.868
Tăng trong năm	33.716.445.821	12.783.913.427
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.150.626.219
Chuyển sang từ tài sản cố định hữu hình	-	(163.628.065)
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước ngắn hạn	(3.500.000)	240.769.417
Phân bổ trong năm	(43.208.346.116)	(96.551.161.921)
Thanh lý	(89.938.540)	(10.224.175)
	38.680.005.935	48.265.344.770

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>			
▪ Chi phí phải trả	20%	61.879.057.711	21.325.730.550
▪ Các khoản dự phòng	20%	18.837.873.435	9.422.978.755
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	6.397.076.592	9.005.492.476
		87.114.007.738	39.754.201.781

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	1.508.956.770.530	296.702.697.996
Xiamen ITG Group Corp., Ltd.	630.195.444.218	-
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	622.557.774.639	59.872.948.917
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	199.491.934.084	276.882.578.172
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	161.764.492.000	331.558.978.673
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	159.185.584.085	200.540.364.464
Nippon Steel Trading Corporation	-	303.482.841.213
Các nhà cung cấp khác	1.001.111.896.444	554.875.259.387
	4.283.263.896.000	2.023.915.668.822

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	199.491.934.084	276.882.578.172
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	161.764.492.000	331.558.978.673
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	159.185.584.085	200.540.364.464
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	83.547.848.008	71.677.939.985
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	6.124.567.058	4.622.401.585
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	13.356.842	1.892.022

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 365 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn đối với các công ty con và 45 ngày đối với các khoản phải trả công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty.

19. Người mua trả tiền trước

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Aceros Y Overrollings De Mexico S.A. De C.V.	-	18.179.700.000
Các khách hàng khác	233.052.080.172	170.818.983.777
	233.052.080.172	188.998.683.777



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/10/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cán trừ VND	Phân loại lại VND	30/9/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	146.604.239.860	7.961.396.397.916	(1.972.622.357.714)	(5.962.469.880.233)	(1.386.919.443)	171.521.480.386
Thuế xuất nhập khẩu	456.189.132	1.448.514.895	(1.738.836.243)	-	-	165.867.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.905.742.222	515.776.476.827	(436.616.991.261)	-	-	136.065.227.788
Thuế thu nhập cá nhân	2.508.438.278	32.264.163.672	(33.387.177.170)	-	13.619.717	1.399.044.497
Các loại thuế khác	92.064.660	1.790.747.324	(1.791.011.984)	-	(3.000.000)	88.800.000
	206.566.674.152	8.512.676.300.634	(2.446.156.374.372)	(5.962.469.880.233)	(1.376.299.726)	309.240.420.455

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí phải trả**

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Chi phí lương và thưởng	150.283.536.463	304.695.782.083
Chi phí vận chuyển	43.534.163.796	115.044.561
Chi phí lãi vay	9.084.253.069	3.926.078.445
Xây dựng cơ bản dở dang	6.849.402.456	696.000.000
Chi phí tiền điện	34.655.876	27.883.576
Chi phí khác	5.014.233.506	8.482.468.933
	214.800.245.166	317.943.257.598

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	3.226.391.554.000	155.578.117.585
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	-	142.966.821.833
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.134.400.000	9.597.080.065
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	528.125.900	932.699.080
Cổ tức phải trả	3.940.190.477	4.247.322.425
Phải trả khác	6.587.875.826	12.753.497.533
	3.256.582.146.203	326.075.538.521

(*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương, Ngân Hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (1/10/2020: cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành) với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày. Nếu đến ngày đáo hạn, Công ty không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	-	26.498.450
		<hr/> <hr/>

Khoản phải trả khác cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/10/2020		Biến động trong năm		30/9/2021	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	5.058.379.476.181	36.399.316.632.634	(36.704.526.955.869)	1.344.677.818	4.754.513.830.764	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	20.000.000.000	5.000.000.000	(25.000.000.000)	-	-	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	5.104.565.664	1.276.141.416	(6.380.707.080)	-	-	
	5.083.484.041.845	36.405.592.774.050	(36.735.907.662.949)	1.344.677.818	4.754.513.830.764	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Bên thứ ba				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	75.643.458.480	1.171.017.687.810
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	777.548.744.645	531.104.907.733
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	60.000.000.000	947.943.944.130
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	(ii)	USD	1.453.181.080.932	413.037.687.997
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	(iii)	VND	347.681.380.658	472.377.287.783
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	(iii)	USD	-	99.439.545.965
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	1.186.536.814.890	608.438.856.420
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(v)	VND	56.000.000.000	32.300.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	VND	34.366.092.843	101.516.310.719
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vi)	USD	384.498.035.750	57.085.000.000
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	VND	60.626.701.580	42.323.443.406
▪ Ngân hàng Malayan Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vii)	USD	73.836.076.658	46.084.500.000
▪ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(viii)	VND	67.617.983.015	97.147.784.400
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	VND	75.695.575.053	19.942.608.592
▪ Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	USD	101.281.886.260	155.234.011.226
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(x)	USD	-	213.385.900.000
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	(xi)	VND	-	50.000.000.000
			4.754.513.830.764	5.058.379.476.181

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			30/9/2021	1/10/2020
Bên thứ ba				
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND USD	3.000 tỷ VND	3,50%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND USD	2.397 tỷ VND	1,50% - 2,00%	1,85% - 2,00% hàng
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND USD	1.500 tỷ VND	3,50% - 3,80%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho, khoản phải thu, nhà cửa, vật kiến trúc
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	60 triệu USD	4,20% - 4,50%	Máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An, công ty con
v. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	3,35%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định, công ty con
vi. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND USD	20 triệu USD	3,30%	Không có tài sản đảm bảo
vii. Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	6.6 triệu USD	3,00%	Hàng tồn kho
viii. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	500 tỷ VND	1,60%	1,64%
			3,20% - 3,30%	Hàng tồn kho
			1,40%	1,80%
			3,90%	4,50%
				Không có tài sản đảm bảo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
			30/9/2021	1/10/2020
Bên thứ ba				
ix. Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	15 triệu USD	3,60% 1,45%	3,80% - 4,00% 1,80% - 1,85%
x. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	2.000 tỷ VND	-	1,80%
xi. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	VND	1.000 tỷ VND	-	5,00%
				Không có tài sản đảm bảo Không có tài sản đảm bảo Quyền sử dụng đất và phải thu của khách hàng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Vay dài hạn	-	32.094.315.280
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	-	10.027.814.809
	-	42.122.130.089
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(25.104.565.664)
	-	17.017.564.425
	-	17.017.564.425

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2021	1/10/2020
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND	2022	-	32.094.315.280
			-	32.094.315.280

Khoản vay này được đảm bảo bằng đảm bảo quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị, hàng tồn kho của Công ty và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen, công ty con và chịu lãi suất năm tại ngày 1 tháng 10 năm 2020 là 8,5%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2021, khoản vay này đã được thanh toán toàn bộ.

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản nợ thuế tài chính

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/9/2021		1/10/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	-	-	5.762.851.279	658.285.615
Trong vòng hai đến năm năm	-	-	5.147.734.966	224.485.821
	-	-	10.910.586.245	882.771.436
				10.027.814.809

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	43.062.695.661	44.902.799.431
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	46.120.560.692	3.613.521.330
Sử dụng quỹ trong năm	(14.154.745.724)	(5.453.625.100)
Số dư cuối năm	75.028.510.629	43.062.695.661

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc.

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Số dư đầu năm	9.617.344.666	2.473.036.500
Trích lập dự phòng trong năm	3.325.712.601	7.144.308.166
Số dư cuối năm	12.943.057.267	9.617.344.666

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2019	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.539.503.023.643	5.978.948.767.299
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.075.585.099.435	1.075.585.099.435
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	211.557.240.000	-	-	-	(211.557.240.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(812.000.000)	-	-	(812.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.613.521.330)	(3.613.521.330)
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	5.420.281.995	(5.420.281.995)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(25.511.170.306)	-	(25.511.170.306)
Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2020	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	2.394.497.079.753	7.024.597.175.098
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	4.375.801.849.593	4.375.801.849.593
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức (*)	444.566.830.000	-	-	-	(444.566.830.000)	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	5.709.355.547	3.271.000.000	-	-	8.980.355.547
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	44.000.000.000	-	-	-	-	44.000.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(46.120.560.692)	(46.120.560.692)
Trích thưởng hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh (**)	-	-	-	-	(39.134.000.000)	(39.134.000.000)
Phân bổ vào quỹ (***)	-	-	-	104.632.701.681	(104.632.701.681)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(49.473.282.240)	-	(49.473.282.240)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2021	4.934.818.960.000	157.292.539.068	-	90.695.201.265	6.135.844.836.973	11.318.651.537.306

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 13 tháng 1 năm 2020 và Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 24 tháng 5 năm 2021, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ nguồn cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức. Tổng số cổ phiếu đã phát hành là 44.456.683 cổ phiếu với mệnh giá 10.000/cổ phiếu.
- (**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 13 tháng 1 năm 2020 và Quyết định của Hội Đồng Quản trị vào ngày 27 tháng 1 năm 2021, Công ty đã quyết định trích 3,4% từ lợi nhuận sau thuế để chi thưởng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2019 – 2020 cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các Ban thuộc Hội đồng Quản trị.
- (***) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty đã trích lập 40.356 triệu VND từ lợi nhuận giữ lại đầu kỳ và vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập 64.277 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, hoạt động từ thiện và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị (năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020: 5.420 triệu VND).

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/9/2021		1/10/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	493.481.896	4.934.818.960.000	444.625.213	4.446.252.130.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	327.100	3.271.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	493.481.896	4.934.818.960.000	444.298.113	4.442.981.130.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày			
	30/9/2021		30/9/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	444.298.113	4.442.981.130.000	423.223.589	4.232.235.890.000
Cổ phiếu phát hành để trả cổ tức	44.456.683	444.566.830.000	21.155.724	211.557.240.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	327.100	3.271.000.000	-	-
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	4.400.000	44.000.000.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(81.200)	(812.000.000)
Số dư cuối năm	493.481.896	4.934.818.960.000	444.298.113	4.442.981.130.000

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2021 VND	1/10/2020 VND
Trong vòng một năm	175.830.612.602	170.013.489.423
Trong vòng hai đến năm năm	660.021.307.908	660.219.684.543
Trên năm năm	409.868.094.705	516.622.301.356
	1.245.720.015.215	1.346.855.475.322

(b) Ngoại tệ các loại

	30/9/2021		1/10/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	10.326.201	233.974.279.650	7.357.873	169.929.938.524
EUR	-	-	909	24.288.480
		233.974.279.650		169.954.227.004

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/9/2021	1/10/2020
	VND	VND
Đã được duyệt và đã được ký hợp đồng	111.387.661.390	-

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	63.707.475.115.992	30.465.484.254.551
▪ Bán thành phẩm	22.726.584.674.370	14.607.097.600.014
▪ Doanh thu khác	7.448.106.811	31.230.845.169
	86.441.507.897.173	45.103.812.699.734
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	153.562.023.411	131.553.521.310
▪ Hàng bán bị trả lại	19.989.289.800	13.932.986.623
▪ Giảm giá hàng bán	948.149.530	5.467.161.772
	174.499.462.741	150.953.669.705
Doanh thu thuần	86.267.008.434.432	44.952.859.030.029

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	60.545.116.745.484	29.434.405.085.489
▪ Thành phẩm đã bán	19.898.049.520.909	12.699.699.279.794
▪ Giá vốn khác	1.641.942.582	1.663.957.660
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	55.920.217.310	(5.748.549.551)
	80.500.728.426.285	42.130.019.773.392

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	9.756.826.962	18.345.348.908
Lợi nhuận được chia	2.313.430.131.015	797.433.902.081
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	89.661.240.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	239.848.361.972	66.952.739.760
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.361.788.337	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.334.209.311	-
	2.660.392.557.597	882.731.990.749

32. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí lãi vay	163.982.509.811	277.498.364.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	189.348.549.748	69.717.151.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.983.777.905
Lỗ từ thanh lý/giải thể công ty con	-	15.675.997.377
Chi phí tài chính khác	719.393.807	1.728.614.970
	354.050.453.366	372.603.906.385

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Chi phí bán hàng**

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí nhân viên	572.789.649.650	771.493.515.517
Chi phí xuất khẩu	1.697.338.531.240	443.895.444.297
Chi phí thuê	157.374.566.374	155.050.248.876
Chi phí khấu hao và phân bổ	141.316.737.508	142.049.846.427
Chi phí quảng cáo	60.889.736.428	81.026.319.039
Chi phí vận chuyển	172.601.983.301	81.662.146.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.695.244.435	54.927.308.793
Chi phí bán hàng khác	112.920.091.606	108.736.740.618
	2.971.926.540.542	1.838.841.569.984

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí nhân viên	107.547.022.862	179.784.051.475
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.172.591.956	34.611.714.935
Chi phí thuê	17.225.095.414	16.402.898.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.405.088.651	31.645.319.225
Chi phí quản lý khác	69.848.197.963	5.716.573.889
	253.197.996.846	268.160.558.053

35. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Tiền bồi thường thu được	3.087.935.243	1.248.978.013
Lãi do thanh lý tài sản cố định	294.495.753	-
Các khoản khác	4.502.566.854	18.626.818.962
	7.884.997.850	19.875.796.975



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí cho hoạt động từ thiện	8.190.000.000	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	10.944.854.184
Các khoản khác	2.974.052.377	5.738.407.827
	<hr/>	<hr/>
	11.164.052.377	16.683.262.011
	<hr/>	<hr/>

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	19.634.118.684.123	11.589.624.310.373
Chi phí nhân công và nhân viên	761.610.810.434	1.021.871.046.663
Chi phí khấu hao và phân bổ	297.087.701.643	345.980.466.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.266.088.195.975	914.520.089.821
Chi phí khác	558.927.543.337	486.221.772.732
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	515.776.476.827	158.373.188.664
Dự phòng thiếu những năm trước	-	13.853.323.303
	515.776.476.827	172.226.511.967
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(47.359.805.957)	(18.653.863.474)
	468.416.670.870	153.572.648.493

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.844.218.520.463	1.229.157.747.928
Thuế theo thuế suất của Công ty	968.843.704.093	245.831.549.586
Chi phí không được khấu trừ thuế	9.853.332.005	53.374.556.020
Thu nhập không bị tính thuế	(462.686.026.203)	(159.486.780.416)
Dự phòng thiếu những năm trước	-	13.853.323.303
Sử dụng thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây	(47.594.339.025)	-
	468.416.670.870	153.572.648.493

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021	30/9/2020
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	15.613.730.729.165	9.053.226.500.894
Mua hàng hóa và thành phẩm	15.866.720.483.372	9.531.890.292.386
Điều chuyển/bán tài sản cố định	-	11.701.050.819
Hàng bán bị trả lại	-	2.448.818.788
Lợi nhuận được chia	120.808.132.718	12.308.639.166
Chi hộ	156.947.487.796	148.988.924.860
Bán khác	3.725.953	418.584.100
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	3.313.980.084.464	3.484.402.690.237
Mua hàng hóa và thành phẩm	2.850.430.034.029	3.187.035.968.803
Bán tài sản cố định	-	18.181.818
Mua tài sản cố định	87.770.891	-
Doanh thu từ cho thuê tài sản	469.580.644	392.000.000
Chi phí thuê	1.645.321.674	1.336.599.965
Hàng bán bị trả lại	1.270.533.793	2.034.352.586
Lợi nhuận được chia	248.393.361.872	232.536.770.069
Bán khác	1.590.334	115.348.483
Mua khác	-	3.570.000
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	56.469.898	42.509.017
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	49.359.856	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	7.970.825.645	3.508.899.196
Mua hàng hóa và thành phẩm	1.630.046.559.177	1.529.863.165.679
Mua tài sản cố định	1.141.000.000	-
Lợi nhuận được chia	69.057.496.793	35.488.493.426
Bán khác	748.320	-
Mua khác	-	10.576.607
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	2.418.702	21.358.572

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An		
Bán hàng hóa và thành phẩm	14.380.220.390.226	5.905.022.432.009
Mua hàng hóa và thành phẩm	12.406.066.542.279	5.478.697.620.076
Bán tài sản cố định	2.146.533.482	86.129.750
Mua tài sản cố định	-	53.217.000
Hàng bán bị trả lại/giảm giá hàng bán	94.564.747	251.224.373
Trả lại hàng mua	2.964.150.670	2.700.349.416
Hàng mua được giảm giá	56.386.365	134.905.155
Doanh thu từ cho thuê tài sản	9.670.000	-
Chi phí thuê	404.139.768	404.139.768
Lợi nhuận được chia	946.725.035.692	514.874.175.062
Chi phí gia công	150.905.593.027	90.057.765.739
Chi phí vận chuyển	31.113.848.136	-
Bán khác	20.713.740	-
Mua khác	2.654.343.654	5.675.194.349
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định		
Bán hàng hóa và thành phẩm	8.720.363.728.904	3.037.350.943.346
Mua hàng hóa và thành phẩm	7.842.804.505.068	2.498.747.115.421
Bán tài sản cố định	494.268.668	-
Hàng bán bị trả lại	-	89.818.330
Trả lại hàng mua	1.879.028.959	1.767.576.138
Hàng mua được giảm giá	-	15.178.182
Lợi nhuận được chia	756.039.601.281	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	38.681.700	-
Chi phí vận chuyển	2.371.469.850	-
Cung cấp dịch vụ gia công	47.546.401	-
Chi phí gia công	144.483.750.356	40.363.221.505
Mua khác	1.223.005.802	741.525.153
Bán khác	-	76.110.897
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam		
Bán hàng hóa và thành phẩm	14.844.895.601	29.256.828.653
Mua hàng hóa và thành phẩm	756.002.857.208	551.390.640.670
Mua tài sản cố định	-	348.116.539
Doanh thu từ cho thuê tài sản	254.400.000	241.200.000
Lợi nhuận được chia	155.962.216.359	-
Cung cấp dịch vụ gia công	999.180	-
Đi thuê hoạt động	166.000.000	216.000.000
Trả lại hàng mua/hàng mua được giảm giá	26.197.280	50.822.590
Mua khác	-	47.299.914

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái		
Góp vốn	209.000.000.000	-
Cho vay	68.000.000.000	114.900.000.000
Thu tiền cho vay	-	7.000.000.000
Thu nhập từ tiền lãi	6.133.147.079	11.771.972.342
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ		
Bán hàng hóa và thành phẩm	872.839.230.596	790.478.750.989
Mua hàng hóa và thành phẩm	223.014.878.397	197.527.496.960
Thuê tài sản	600.000.000	600.000.000
Hàng mua được giảm giá	72.625.730	122.727.272
Mua khác	82.990.910	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận		
Góp vốn	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná - Ninh Thuận		
Góp vốn	-	29.500.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn		
Lãi vay	-	2.076.438.356
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long		
Cho vay	-	35.999.989.000
Thu nhập từ tiền lãi	1.586.146.347	1.606.428.245
Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái		
Bán hàng hóa và thành phẩm	5.757.375.828	14.224.724
Mua hàng hóa và thành phẩm	498.581.508.868	260.209.760.755
Mua tài sản cố định	289.355.615	-
Hàng mua được giảm giá	11.515.987	1.449.201
Lợi nhuận được chia	16.444.286.300	-
Mua khác	-	77.271.455

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen		
Bán hàng hóa và thành phẩm	2.005.614.625.990	1.742.673.278.315
Mua hàng hóa và thành phẩm	12.281.818	-
Chiết khấu thương mại	13.007.397.387	29.577.829.265
Hàng bán bị trả lại	7.185.669.645	4.172.697.261
Doanh thu từ cho thuê tài sản	3.426.751.992	3.149.312.901
Bán tài sản cố định	278.700.000	-
Cung cấp dịch vụ gia công	94.664.218	-
Mua dịch vụ gia công	1.300.909	-
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	6.777.318	-
Chi phí vận chuyển	57.513.075.054	41.294.030.024
Bán khác	-	313.695.826
Mua khác	2.727.273	10.161.454
Chi phí thuê hoạt động	10.271.374.544	8.897.850.106
Giảm giá hàng bán	-	154.727.273
Thu nhập lãi chậm thanh toán	2.490.522.129	-
Thu nhập từ tiền lãi	50.630.137	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen		
Nghệ An		
Chi phí vận chuyển	127.061.336	150.684.078

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao		
Ông Lê Phước Vũ – Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Trần Ngọc Chu – Phó Chủ tịch	300.000.000	300.000.000
Ông Trần Quốc Trí – Thành viên	240.000.000	240.000.000
Ông Lý Văn Xuân – Thành viên	290.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Văn Luân – Thành viên	340.000.000	240.000.000
Ông Đinh Viết Duy – Thành viên	290.000.000	240.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng	1.967.900.022	1.847.025.972
Những người quản lý khác		
Lương, thưởng	34.209.331.101	9.705.523.866

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Năm kết thúc ngày	
	30/9/2021 VND	30/9/2020 VND
Cần trừ công nợ phải trả và lợi nhuận được chia	795.208.077.723	335.992.976.173
Chuyển đổi khoản cho thành khoản đầu tư vào công ty con	241.182.178.499	-
Chuyển đổi phải thu lãi cho vay công ty con thành khoản đầu tư vào công ty con	10.623.438.808	-
Cần trừ khoản vay ngắn hạn và khoản đầu tư vào công ty con	-	53.000.000.000
Cần trừ công nợ phải trả và khoản đầu tư vào công ty con	-	20.696.742.465
Cần trừ lãi vay phải trả và khoản phải thu khác	-	5.696.742.465

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 10 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc



